NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC TRANG TRẠI Ở HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Phương Hảo - Đỗ Thị Bắc *(Trường Đại học Kinh tế & QTKD - ĐH Thái Nguyên)*

1. Đặt vấn đề

Đồng Hỷ là một huyện trung du miền núi của tỉnh Thái Nguyên, có diện tích đất tự nhiên 47.037,94 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 12.144,16 ha, với dân số 125.811 người, có khoảng 80% dân số sống bằng nghề nông. Trong những năm vừa qua, các mô hình trang trại đã hình thành và tăng nhanh về số lượng với nhiều thành phần kinh tế tham gia, nhưng chủ yếu vẫn là trang trại hộ gia đình. Những mô hình trang trại này được phát triển nhanh trong toàn huyện và bước đầu mang tính chất chuyển sang sản xuất hàng hoá có sự hướng dẫn của nhà nước.

Các mô hình trang trại ở huyện Đồng Hỷ là mô hình sản xuất có hiệu quả hơn gấp nhiều lần so với sản xuất tiểu nông tự cung, tự cấp. Nó đã góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế của huyện Đồng Hỷ, nhất là lĩnh vực kinh tế nông, lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông thôn. Tuy nhiên, kinh tế trang trại của huyện Đồng Hỷ hiện nay phát triển nhanh nhưng là phát triển tự phát. Do vậy, các trang trại gặp rất nhiều khó khăn và thách thức trong quá trình tồn tại và phát triển. Chỗ yếu nhất của các trang trại là thị trường tiêu thụ sản phẩm, chủ yếu vẫn là sản xuất hàng hoá thô tươi sống, chưa gắn với sự phát triển ngành nghề và công nghiệp chế biến ở nông thôn. Để kinh tế trang trại huyện Đồng Hỷ phát triển đúng hướng, bền vững, việc tìm ra các giải pháp để "*Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các trang trại ở huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên*" là cần thiết và cấp bách.

2. Tình hình phát triển của các mô hình trang trại ở huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

2.1. Đặc điểm của các trang trại trên địa bàn

2.1.1. Số lượng và các loại hình trang trại chủ yếu

Tính đến thời điểm 1/7/2006 toàn huyện có 89 trang trại. Về loại hình hoạt động của các trang trại: Tuỳ thuộc vào từng vùng sinh thái và địa hình huyện gồm có các loại hình trang trại sau: Trang trại trồng cây lâu năm, trang trại cây hàng năm, Trang trại trồng cây ăn quả, Trang trại trồng cây lâm nghiệp, Trang trại chăn nuôi, Trang trại kinh doanh tổng hợp.

2.1.2. Quy mô các trang trại điều tra

- Quy mô về lao động: Tổng số lao động thường xuyên của trang trại là 304 người. Quy mô trang trại về lao động còn nhỏ, bình quân mỗi trang trại có 3,41 lao động, cao hơn mức bình quân chung của toàn tỉnh (3,08 lao động/ trang trại) và thấp hơn mức bình quân chung của toàn quốc (6,2 lao động/ trang trại).

- Quy mô về diện tích: Với tổng số 89 trang trại được chọn tiến hành điều tra có quy mô diện tích bình quân là 13,07ha.

- Quy mô về vốn: Vốn đầu tư bình quân một trang trại là 103 triệu, năm 2006 vốn đầu tư đã thực hiện trung bình mỗi trang trại là 12,3 triệu đồng. Vốn đầu tư của các trang trại chủ yếu là vốn tự có chiếm hơn 80%, vốn vay của ngân hàng và các tổ chức tín dụng chiếm 16,%, còn lại là các nguồn vốn khác. Như vậy, cần phải có chính sách tăng cường vai trò của các ngân hàng trong việc phát triển trang trại.

2.2. Kết quả và hiệu quả sản xuất của các trang trại

Tổng thu bình quân của một trang trại năm 2006 đạt 110.862.000 đồng. Trong đó, thu từ nông nghiệp đạt 92.797.000 đồng, chiếm hơn 80%, thu từ lâm nghiệp đạt 5.613.000 đồng, thu từ các hoạt động dịch vụ đạt 11.246.000 đồng . Giá trị sản phẩm hàng hoá bình quân một trang trại đạt được là 87.786.000 đồng. Giá trị gia tăng đạt 33.286.000 đồng.

2.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả SX của các trang trại

Sử dụng hàm sản xuất Cobb- Douglas để phân tích, ta có *Kết quả chạy hàm như sau:*

SUMMARY OUTPUT

Regression Statistics

Multiple R	0.785175595
R Square	0.616500714
Adjusted R Square	0.593398348
Standard Error	0.3700919
Observations	89

ANOVA

	df	*SS*	*MS*	*F*	*Significance F*
Regression	5	18.27537416	3.655074831	26.68561	5.53831E-16
Residual	83	11.36834519	0.136968014		
Total	88	29.64371935			

	Coefficients	*Standard Error*	*t Stat*	*P-value*	*Lower 95%*	*Upper 95%*
Intercept	3.46408	0.9907	3.49657633	0.00076	1.493607007	5.434561546
CPHI	0.25715	0.0516	4.98808013	3.3E-06	0.154610844	0.359680801
LDONG	0.37705	0.1214	3.10484213	0.002604	0.135513295	0.618593754
DT DAT	0.12599	0.0595	2.11737274	0.037221	0.007641018	0.244340998
VON	0.18709	0.0623	3.00256819	0.003537	0.063157532	0.311020085
QLY	0.17769	0.0863	2.05788298	0.042 739	0.005951258	0.349429413

Phân tích kết quả chạy hàm: Do $F_{KĐ}$=26,68 > F_{TB}= 3,32 nên 61,6% sự thay đổi của giá trị gia tăng do các yếu tố chi phí sản xuất, lao động, diện tích đất, trình độ quản lý của chủ trang trại. Kiểm định các hệ số riêng lẻ ta thấy các hệ số đều có ý nghĩa thống kê vì $t_{tính} > t_{Tb}$ = 1,98.

Khi các nhân tố khác không đổi, nếu chi phí sản xuất tăng lên 1% thì giá trị gia tăng sẽ tăng bình quân 0,25%. Hay tương ứng khi chi phí tăng lên 1 triệu đồng thì giá trị gia tăng sẽ tăng lên là 122.594 đồng. Khi số lao động chính tăng lên 1% với điều kiện các nhân tố khác không đổi thì giá trị gia tăng sẽ tăng thêm là 0,37%, tương ứng nếu lao động chính tăng lên 1 người thì giá trị gia tăng sẽ tăng thêm là 3.750.675 đồng. Khi vốn đầu tư tăng thêm 1% với điều kiện các nhân tố khác không đổi thì giá trị gia tăng sẽ tăng thêm 0,18%. Nếu chi phí đầu tăng thêm 1 triệu đồng thì giá trị gia tăng sẽ tăng thêm là: 59.773 đồng. Bên cạnh đó, nếu chủ trang trại được học qua các lớp tập huấn về chuyên môn, quan lý thì giá trị gia tăng của trang trại sẽ tăng lên 170.000 đồng với độ tin cậy đạt 95%.

2.4. Những ý kiến, nguyện vọng của chủ trang trại

Năm 2005, 2006 giá bán nông, lâm nghiệp của huyện không ổn định. Đặc biệt là giá bán vải, nhãn, chè lại quá thấp nên mặc dù quy mô các trang trại của huyện còn nhỏ nhưng các chủ trang trại đã lo ngại khi mở rộng sản xuất kinh doanh. Các chủ trang trại đề xuất nguyện vọng như sau:

- 59,6% trang trại có nguyện vọng được nhà nước tìm kiếm giúp thị trường tiêu thụ sản phẩm; 59,6% các chủ trang trại có nguyện vọng được hỗ trợ đào tạo kiến thức, tư vấn về khoa học kỹ thuật; 57,3% chủ trang trại có nguyện vọng được vay vốn ngân hàng; 32,5% chủ trang trại có nguyện vọng được được cung cấp thông tin về thị trường; 31,5% chủ trang trại có nguyện vọng được hỗ trợ dịch vụ giống, cây con và 10,1% chủ trang trại có nguyện vọng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các trang trại huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên

3.1. Quan điểm và phương hướng phát triển kinh tế trang trại

3.1.1. Quan điểm phát triển

Nghị quyết của Chính phủ về kinh tế trang trại ngày 02/02/2002, đã nêu rõ:" *Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, trồng rừng gắn với sản xuất chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản*".

3.1.2. Phương hướng phát triển

- Tạo ra được một nền sản xuất nông lâm nghiệp bền vững. Vừa giải quyết mục tiêu tăng lương thực bình quân đầu người tại chỗ, vừa tạo được các vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung, đồng thời phát triển được nghề rừng, kết hợp với phát triển chăn nuôi gia súc, đại gia súc. Giải quyết tốt việc chuyển dịch đất đai. Hướng việc xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ cho phát triển kinh tế trang trại. Tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế trang trại.

3.2. Những giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả SXKD của các trang trại trên địa bàn

3.2.1 Giải pháp chung

* *Giải pháp về quy hoạch:* Quy hoạch về sản xuất: quy hoạch vùng sản xuất chè, vùng sản xuất cây ăn quả, vùng sản xuất lương thực. Quy hoạch về hệ thống chế biến. Quy hoạch về cơ sở hạ tầng và hệ thống dịch vụ.

* *Giải pháp về chính sách*

- Chính sách đất đai:

Hoàn chỉnh về quy hoạch và sử dụng đất đai theo từng vùng của huyện để làm cơ sở cho việc cấp đất cho trang trại.

- Chính sách về đầu tư cơ sở hạ tầng:

Đối với vùng sâu, vùng xa cần xây dựng điện, đường, chợ để các trang trại có điều kiện đầu tư cho sản xuất và thông thương với các vùng khác. Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc đến tận xóm, bản để các trang trại kịp thời nắm bắt về thông tin giá cả thị trường.

- Chính sách về vốn:

Các trang trại sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực nông, lâm thuỷ sản và dịch vụ chế biến được vay vốn từ quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển của nhà nước, các ngân hàng thương mại quốc gia. Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển trang trại ở các vùng có tiềm năng.

- Chính sách về thuế: Thực hiện về chính sách thuế cho các trang trại theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8/7/199 của Chính phủ.

- Chính sách về dịch vụ khoa học, kỹ thuật và môi trường:

Quy hoạch đầu tư sản xuất cây, con giống phục vụ các trang trại phát triển. Mở các lớp đào tạo tại chỗ cho các chủ trang trại và lao động trong các trang trại phổ biến các tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng cây, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tổ chức cho các trang trại được tham quan học tập lẫn nhau và học tập các điển hình tiên tiến. Khuyến khích các chủ trang trại góp vốn vào quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, xây dựng quỹ khuyến học ngành nông nghiệp, thành lập câu lạc bộ khoa học kỹ thuật, các hợp tác xã chuyên ngành chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ sản xuất...

- Chính sách khuyến khích hợp tác giữa các trang trại:

Ưu tiên, khuyến khích các trang trại hợp tác với nhau để hỗ trợ nhau phát triển, các trang trại tổ chức hợp tác thu mua, chế biến nông sản tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Chính sách về thị trường và tiêu thụ sản phẩm: Thúc đẩy các hình thức thương mại trong nông thôn, phát triển hệ thống thông tin. Khuyến khích phát triển buôn bán ở các chợ trung tâm xã, hình thành và mở rộng những khu chợ liên xã, các trung tâm giao dịch buôn bán nông sản và vật tư nông nghiệp ở vùng xa. Nhà nước cần có chính sách bảo hiểm đối với sản xuất nông nghiệp.

3.2.2. Giải pháp cụ thể

3.2.2.1. Giải pháp đào tạo trình độ chuyên môn và trình độ quản lý cho các chủ trang trại

- Đào tạo về chuyên môn kỹ thuật ở đây bao gồm: Đào tạo về kỹ thuật chăn nuôi, đào tạo về kỹ thuật trồng trọt, đào tạo về kỹ năng tiếp thị, bán sản phẩm...

- Đào tạo trình độ quản lý cho chủ trang trại : Đây là một giải pháp quan trọng. Vì vậy, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Hội nông dân có thể kết hợp với Hội doanh nghiệp vừa và nhỏ, Sở Kế hoạch đầu tư để mở các lớp tập huấn về Khởi sự kinh doanh và Lập kế hoạch kinh doanh cho các chủ trang trại.

- Đào tạo về trình độ quản lý bao gồm: Chọn loại hình trang trại, lập quy hoạch sản xuất; Xây dựng kế hoạch sản xuất; Tổ chức thực hiện và quản lý sản xuất.

3.2.2.2. Giải pháp về kỹ thuật

- Về công tác giống: Tiến hành thay thế những giống cũ có năng suất thấp bằng các giống mới có năng suất và chất lượng cao hơn.

- Về kỹ thuật thâm canh: Chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, tập trung gieo trồng những giống ngắn ngày. Đối với cây chè, áp dụng biện pháp kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng chè vụ đông. Về chăn nuôi, xây dựng cơ sở thức ăn vững chắc phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, phòng chống dịch bệnh định kỳ, áp dụng biện pháp kỹ thuật vào chăn nuôi theo hướng công nghiệp, chuyên môn hoá cao.

3.2.2.3. Giải pháp về vốn

Nhà nước cần dành vốn ưu đãi cho vùng phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả, lâm nghiệp vay vốn đầu tư trang bị máy móc hiện đại. Cần có đội ngũ cán bộ hướng dẫn các chủ trang trại lập các dự án khả thi để phát triển trang trại của mình. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức khuyến nông và các tổ chức cho vay vốn trong việc hướng dẫn sư dụng đồng vốn có hiệu quả, các tổ chức cho vay phải thường xuyên kiểm tra, khắc phục những khó khăn đảm bảo sản xuất phát triển tạo điều kiện thu hồi vốn thuận lợi.

3.2.2.4. *Giải pháp về đất đai*

Cần khuyến khích các trang trại tích cực chuyển nhượng, tích tụ ruộng đất. Muốn vậy, huyện phải có các chính sách đầu tư vào hệ thống thuỷ lợi để thuận lợi trong quá trình chuyển đổi, tích tụ ruộng đất 🕮

Tóm tắt

Mô hình sản xuất trang trại ở huyện Đồng Hỷ rất có hiệu quả. Các trang trại dù ở quy mô nào đều thể hiện tính chất sản xuất hàng hoá nhằm vào thị trường với khối lượng ngày càng tăng. Sản xuất trang trại những năm qua góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế của huyện. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, các trang trại gặp rất nhiều khó khăn như: Về khoa học kỹ thuật, khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ, khó khăn về thông tin liên lạc, về dịch bệnh...

* Do đó, những vấn đề chính, trước mắt cần giải quyết để trang trại phát triển là:

- Về đất đai: Phải giải quyết vấn đề tích tụ để liền vùng, liền khoảnh tạo điều kiện cho sản xuất tập trung chuyên môn hoá cao.

- Sản phẩm hàng hoá tập trung vào các cây, con trọng điểm như: chè, cây ăn quả, trám, lâm nghiệp, lợn, gia cầm.

- Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở hạ tầng: Thuỷ lợi, điện, đường giao thông. Đối với trang trại vùng sâu, vùng xa hỗ trợ cước vận chuyển hàng hoá, sản phẩm.

- Có những chính sách ưu đãi cho những đơn vị chế biến và tiêu thụ sản phẩm, hàng năm đào tạo kiến thức quản lý, kiến thức về thị trường cho các chủ trang trại.

- Thúc đẩy hợp tác giữa các trang trại để hình thành các tổ chức kinh tế cộng đồng, các hợp tác xã sản xuất và hợp tác xã dịch vụ. Tạo mối liên kết giữa các doanh nghiệp nhà nước với các hợp tác xã, nhóm hộ, chủ trang trại.

Summary

Improving effect in produce and business of farms in Dong Hy distric in Thai Nguyen province

In fact, the farms in Dong Hy distric is good models. Their activities bring many effects and benefits. Special, They contribute to economic growth a lots. But, during of development process, the farms met many difficulties, such as: lacking of science and technology, lacking of capital, news and market information, lacking of specialist and economic management knowledge, etc.

So, important problems need to solve in the short term that is:

- About land: Land has to mass together to creat good condition for concentrate and specialize production.

- To concentrate on producing tea, planning fruit-tree and forestry, feeding pigs and domestic fowls.

- Giving priority to invest in infrastructure such as: irrigational works, road, electricity. For the farms in remote area, need to support transport charge.

- Having preferential policy to business where processing and comsuming product.

- Every year, Training knowledge of management and market to farm owner.

- To impulse farms cooperate together to take form community economic organizations or produce and service cooperatives. Linking between sate-owned company, cooperatives, farmer household groups and farm owners.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ chính trị (1998), *Nghị quyết của Bộ chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*, số 06-NQ/TW.

[2]. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2006), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên*.

[3]. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2006), *Báo cáo tổng hợp nhanh kinh tế trang trại tỉnh Thái Nguyên.*

[4]. Trần Đức (1998), *Kinh tế trang trại vùng đồi núi*, Nxb Thống kê Hà Nội.

[5]. Tổng cục thống kê (2000), *Hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại của Bộ NN và PTNT*.

[6]. Lê Trọng (2000) *Phát triển và quản lý trang trại trong kinh tế thị trường*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.